

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27-4-2022

*“V/v tranh chấp ly hôn và con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Đông

*Các Hội thẩm Nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Tú Oanh  
2. Ông Hồ Xuân Giao

*Thư ký phiên tòa:* Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa.***

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 674/2021/TLST–HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị T, sinh năm: 1986; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn K, sinh năm: 1979; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1.** Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – Chị Ngô Thị T trình bày nội dung như sau:

Chị Ngô Thị T và anh Đỗ Văn K chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông vào ngày 20/11/2008.

Vợ chồng chị T, anh K hạnh phúc được khoảng 03 năm, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp

nhau, thường xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đỗ Văn K nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn K.

Về con chung: Chị Ngô Thị T và anh Đỗ Văn K có 01 con chung là cháu Đỗ Anh Kh, sinh ngày: 06/4/2012. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Đỗ Anh Kh đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh Đỗ Văn K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Do đó không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

**3.** Tại phiên tòa, nguyên đơn - Chị Ngô Thị T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn, tuyên xử chị được ly hôn với anh Đỗ Văn K. Về con chung: Chị T đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đỗ Anh Kh, sinh ngày: 06/4/2012 cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Ngô Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Đỗ Văn K, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn và con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Đỗ Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh K là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Đỗ Văn K chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông vào ngày 20/11/2008 trên cơ sở tự nguyện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, chị T và anh K phát sinh nhiều mâu thuẫn là do tính tình không hợp, thường xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng để nuôi dạy con cái nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không cải thiện được. Nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh K nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Theo biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương được biết: Chị Ngô Thị T và anh Đỗ Văn K là vợ chồng và cùng chung sống tại địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng chị T và anh K có xảy ra mâu thuẫn nên đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Đối với yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa vợ chồng chị T và anh K thì quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, Tòa án đã tạo điều kiện cho chị Ngô Thị T và anh Đỗ Văn K hòa giải tuy nhiên mâu thuẫn giữa chị Ngô Thị T và anh Đỗ Văn K vẫn chưa được giải quyết. Đến nay mâu thuẫn đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung đã trầm trọng mà không thể hàn gắn được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị Ngô Thị T và anh Đỗ Văn K có 01 con chung là cháu Đỗ Anh Kh, sinh ngày: 06/4/2012. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Anh Kh đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Kh còn nhỏ, vẫn đang trong độ tuổi phát triển và nguyện vọng của cháu là được sống cùng với mẹ. Để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của cháu nên cần giao cháu Đỗ Anh Kh cho chị Ngô Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ngô Thị T không yêu cầu anh Đỗ Văn K phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết, là phù hợp theo quy định tại Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lý trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị T.

- Về hôn nhân: Chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn K.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Anh Kh, sinh ngày: 06/4/2012 cho chị Ngô Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Đỗ Văn K, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ngô Thị T không yêu cầu anh Đỗ Văn K phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra để giải quyết

- Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 mà chị T đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0004669 ngày 15 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp B;
- UBND xã Đ, H.Đ, tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Trương Thị Đông**